

CÔNG TY TNHH MAS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MAS VIETNAM COMPANY LTD

Tên công ty viết tắt: MAS VIETNAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0109125328

3. Ngày thành lập: 13/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 11, Tòa Zen Tower, số 12 phố Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904138198

Fax:

Email: tuanna@mas-vietnam.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + nguyên phụ liệu ngành dệt may + máy móc thiết bị phụ tùng khác cho ngành dệt may	4669(Chính)
2.	Sản xuất sợi	1311
3.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
4.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
5.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
6.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
7.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
8.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
9.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
10.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
11.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
12.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
13.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
14.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
15.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
16.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: sản xuất chuyên treo tự động	2829
18.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
19.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
20.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

21.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
22.	Bán buôn thực phẩm	4632
23.	Bán buôn đồ uống	4633
24.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34.	Bán buôn tổng hợp	4690
35.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
36.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
39.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
40.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
41.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
42.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
43.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
44.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
45.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
46.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
47.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
48.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
49.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
50.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

51.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
52.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
53.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
55.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
57.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
58.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
59.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
60.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
61.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
62.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
63.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
64.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
65.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
66.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
67.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
68.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
70.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
71.	Lập trình máy vi tính	6201

72.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
74.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ LONG	Số 135 phố Lê Thanh Nghị, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	C7496424	
2	NGUYỄN ANH TUẤN	Số 142, khu TT Viện KHNN, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	750.000.000	25,000	011810762	
3	NGUYỄN QUANG HUY	số 307-A2 TT, phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	750.000.000	25,000	011752628	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011810762

Ngày cấp: 22/06/2007 Nơi cấp: Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 142, khu TT Viện KHNN, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 142, khu TT Viện KHNN, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

